

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+TD3	7:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
2		CLO	7:25	22	0		22	0	
3		CTK3+BK20+TD5	7:25	0+2+15	0+0+0		1+0+21	0+0+0	CHUYEN 2 CTK3-BK20, CHUYEN 2 CTK3-TD5
4		BK10+P2	9:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
5		P9+P10	9:25	13+9	0+0		10+12	0+0	
6		TD1+RC3	9:25	20+0	0+0		18+3	0+0	
7		T.UNG	11:00	16	0		18	0	
8		TD3+RP3	11:25	15+4	0+0		7+15	0+0	
9		P10+BK3+GTCl	11:25	18+4+0	0+0+0		17+5+0	0+0+0	CHUYEN 1 BK3- GTCl
10		P2+TD5+BK15	11:25	12+3+6	0+0+0		9+2+11	0+0+0	CHUYEN 1 P2- BK15
11		P6+P9	13:25	6+12	0+0		8+14	0+0	
12		PPD+P11	13:25	14+7	0+0		13+9	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ đi VE TRONG NGÀY P11-3NG. 3 NGUOI BK15 VE QUA CLO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	TO: P11 - TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

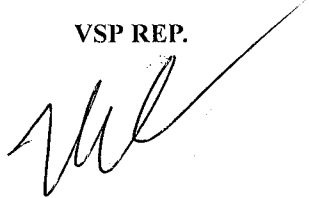
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN MANH	P11					82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG HIEN	P11	47	1	2		51	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU MINH HUNG	P11	53	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN KIM SON	P11	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CUONG	P11	49-50	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
6	DAO THIEN THUAT	P11	51	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG CONG PHUNG	P11	48	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
8	KOSHELEV PAVEL	TD3	93	1	5	13	88	KHOAN	Russian
9	VU TIEN LUC	TD3	97	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THANG	TD3	96	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	KHONG QUOC HUNG	TD3	98	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG NGOC NGHIA	TD3	06	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN XUAN KY	TD3	07	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
14	DANG HUY LONG	TD3	99,600	2	10		64	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN TRUC TUYEN	TD3	02	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
16	VO NGUYEN KHANG	TD3	04-05	2	10		81	KHOAN	Vietnamese
17	BUI HUU VUNG	TD3	09	1	6		91	KHOAN	Vietnamese
18	VO TANG GIAP	TD3	01	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
19	LE NGOC BINH	TD3	03	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
20	PHUNG VAN XUYEN	TD3	92	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
21	TRINH DUY SON	TD3	08	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
22	DUONG CHI TUYEN	TD3	94	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	7	7	29	500	0	5		
2	TD3	15	17	98	1.126	13	17		
TOTAL		22	24	127	1.626	13	22		
WEIGHT KG				127	1.626	13			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

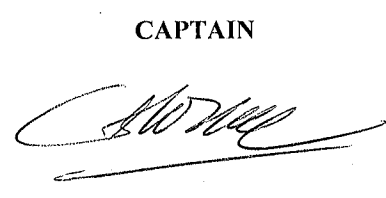
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CLO	CREW: Linh - ĐNam - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	35	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
2	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	37-38	2	8		78	KHOAN	Vietnamese
3	VU MINH TU	CLO	45	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	43	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LÝ	CLO	49	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	39	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	36	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	VU MINH TÙNG	CLO	41-42	2	10	20	68	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN BUI QUANG	CLO	40	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN KIM HUNG	CLO	41	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN VINH	CLO	34	1	11		80	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN HIỂU	CLO	33	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM TUẤN VIỆT	CLO	46	1	8		90	DK	Vietnamese
14	ĐẶNG MINH TUẤN	CLO	32	1	13		80	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÌNH CHI CÔNG	CLO	78	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
16	QUÁCH THẾ ANH	CLO	80	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	CLO	31	1	5		75	ANTOAN	Vietnamese
18	HOÀNG HỮU THỌ	CLO	47	1	2		72	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN HUNG	CLO	79	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	PHAN VĂN HỒNG	CLO	48	1	5		64	PSV	Vietnamese
21	PHẠM CÔNG THANH	CLO	77	1	4		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN HUU HAU	CLO					70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	23	137	1.562	20	22		
TOTAL		22	23	137	1.562	20	22		
WEIGHT KG				137	1.562	20			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	TO: CTK3 - BK20 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - D Sơn	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	BK20	64,66	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG CÔNG	BK20	65	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HIỆU	TD5	01-02	2	13		63	YTE	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	95	1	4		87	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN BẠCH TÙNG	TD5	67	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN DINH	TD5	200	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ QUỐC BAO	TD5	94	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀU TRỌNG HOÀNG	TD5	93	1	4	20	65	KHOAN	Vietnamese
9	NHƯ THANH TUYẾN	TD5	90	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN SỸ LỆ	TD5	03	1	10		54	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	91	1	4		87	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	92	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	96	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
14	ĐO VĨNH CƯỜNG	TD5	98	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN PHUNG QUÊ	TD5	97	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	99-100	2	11		82	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	88,89	2	6		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	0	0	0	0	5	1+4		CHUYEN 2 PAX CTK3 -BK20, 2 PAX CTK3-TD5
2	BK20	2	3	26	139	0	0		
3	TD5	15	18	94	1.087	20	21		
TOTAL		17	21	120	1.226	25	22		
WEIGHT KG				120	1.226	25			

GRAND TOAL: 1.371 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: BK10 - P2	CREW: HUNG - HTrung - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN CUONG	BK10	87-88	2	5	37	85	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGHIEM XUAN ANH	BK10	89	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	81	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN KHAI	BK10	82,86	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI CAO ĐỊNH	BK10	92	1	7		60	PSV	Vietnamese
7	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	88	1	5	20	63	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ CÔNG ANH	P2	92	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN NAM	P2	93	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
10	BIÊN ĐĂNG SAM	P2	96	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN THỌ	P2	94	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ THANH HUNG	P2	85-86	2	14		66	YTE	Vietnamese
14	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	95	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI HOANG TAM	P2	91	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HIỀN TRƯỞNG	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ HUY HUNG	P2	83	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN HAI	P2	90	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	87	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC MINH	P2	79-81	3	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG MINH QUÂN	P2	89	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	6	8	43	409	37	5		01 NB: NGUYỄN VĂN PHÁP (GHẾ PHỤ)
2	P2	15	17	96	981	20	17		
TOTAL		21	25	139	1.390	57	22		
WEIGHT KG				139	1.390	57			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

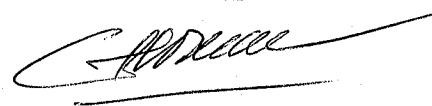
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	TO: P9 - P10	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - DTùng	ETA: 11:45
cam-2			

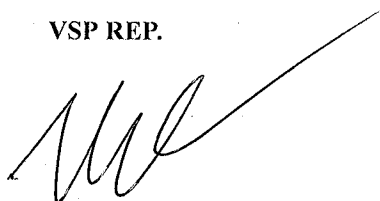
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DINH QUE	P9	09	1	9		88	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN TUE	P9	14	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC TAN	P9	17	1	11		76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN XUAN HUONG	P9	08	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
5	LE LANG TU	P9	07	1	10	22	66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TUNG	P9	16	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	VU NAM GIANG	P9	10	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
8	DANG DUC HAI	P9	06	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN HOA	P9	13	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
10	HUA SAY	P9	12	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
11	HO DUC HIEN	P9	11	1	6		58	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN BA KY	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN THANH HOAI	P9	15	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
14	IAKIMIDI RUSLAN	P10	55-56	2	13		104	KH-THAC	Russian
15	TRAN VAN THANG	P10	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN HUONG	P10	51	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	LE THANH LIEM	P10	57-58	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC KHANH	P10	50	1	10	67	71	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG SY NGUYEN	P10	52	1	5	20	83	KH-THAC	Vietnamese
20	VU DANG HOANG	P10	48	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN CUONG	P10	54	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VAN PHU	P10	59	1	6		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

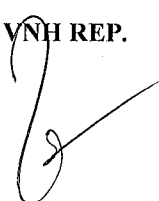
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	13	12	83	934	22	10		
2	P10	9	11	72	701	87	12		
TOTAL		22	23	155	1.635	109	22		
WEIGHT KG				155	1.635	109			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

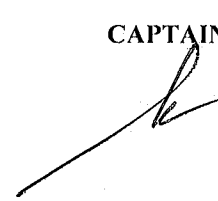
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:58
FLIGHT: 6	TO: TD1 - RC3	CREW: ĐỨC - KHẢI - D Sơn	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STESHIN VALERIY	TD1	63	1	17		165	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN VIET HUNG	TD1	82	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DINH CHUNG	TD1	45	1	11		84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HUU NAM	TD1	49	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
5	LE BA PHUONG	TD1	56-57	2	15		73	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN MINH	TD1	58	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
7	VU MANH HAI	TD1	59	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN QUANG SANG	TD1	60-61	2	9		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN LAM GIANG	TD1	46-47	2	12		75	KHOAN	Vietnamese
10	VUONG VAN THONG	TD1	53-55	3	18		68	YTE	Vietnamese
11	TRINH HUU NGHIA	TD1	52	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG QUOC VIET	TD1	50-51	2	10		84	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN QUYET	TD1	42	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TRUNG UYEN	TD1	41	1	8		82	PSV	Vietnamese
15	VU HOANG QUAN	TD1	48	1	5		56	PSV	Vietnamese
16	LE XUAN TINH	TD1	43	1	7		92	PSV	Vietnamese
17	HOANG NGOC KHANH	TD1	40	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	LE TAT VINH	TD1	44	1	5		74	PSV	Vietnamese
19	LE NGOC HUNG	TD1	64	1	4		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	25	165	1.507	0	19		
2	RC3	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	25	165	1.507	0	22		
WEIGHT KG				165	1.507	0			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:00
FLIGHT: 7	TO: T.UNG	CREW: TRƯỜNG - Hoài	ETA: 14:10
HONG-3			

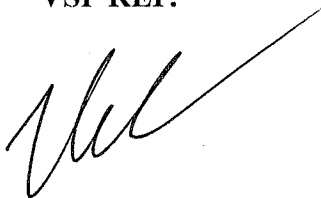
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	T.UNG	96	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGÔ QUANG PHÚC	T.UNG	84-85	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐO TRONG LUONG	T.UNG	94-95	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN THANH	T.UNG	99,400	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN HOÀ	T.UNG	86-87	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN LINH	T.UNG	59-60	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
7	VÕ TIỀN PHÁT	T.UNG	97-98	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN PHI BĂNG	T.UNG	76-77	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN MẠNH	T.UNG	81	1	18		66	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HỒNG DƯƠNG	T.UNG	88-89	2	21		60	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN QUANG	T.UNG	80	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG ANH SON	T.UNG	78-79	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI NGỌC THĂNG	T.UNG	90	1	12		48	XAYLAP	Vietnamese
14	NGÔ VĂN SƠN	T.UNG	75	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN TIỀN THIÊN	T.UNG	93	1	10	20	75	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM CAO CUÔNG	T.UNG	84	1	7		72	T-TIN	Vietnamese
17	DU TRAN HUNG	T.UNG	82	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	26	268	1.135	20	18		
	TOTAL	17	26	268	1.135	20	18		
	WEIGHT KG			268	1.135	20			

GRAND TOAL: 1.423 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 8	TO: TD3 - RP3	CREW: ĐỨC - TĐông - D Sơn	ETA: 14:10
CAM-3			

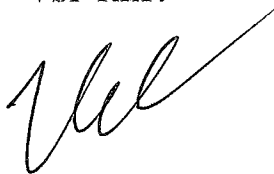
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ DUY KHÁNH	TD3	46	1	13	40	68	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔNG TRUNG HUY	TD3	31	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG ĐÀN	TD3	39	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHÙNG CÔNG DU	TD3	36-37	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC THAI	TD3	41	1	20		92	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ĐĂNG TUÂN	TD3	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ CHIẾN THẮNG	TD3	40	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD3				30	98	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD3	42	1	7		75	DVL	Vietnamese
10	LÊ MINH NGỌC	TD3	47-48	2	12		82	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÀO MINH HẢI	TD3	32-33	2	11		70	XAYLAP	Vietnamese
12	VÕ QUỐC THANH	TD3	49,54	2	14		79	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ THẾ LONG	TD3	34	1	7		76	XAYLAP	Vietnamese
14	HỒ VĂN ĐỨC	TD3	38	1	6		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY QUÝ	TD3	43	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HẢI-81	TD3	30	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
17	ĐÀO TRUNG KIẾN	RP3	72	1	3	70	70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG BÌNH	RP3	70	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ XUÂN THẮNG	RP3	69	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LỊCH	RP3	71	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	16	19	136	1.174	70	8		
2	RP3	4	4	14	293	70	14		
TOTAL		20	23	150	1.467	140	22		
WEIGHT KG				150	1.467	140			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

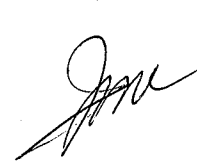
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	TO: P10 - BK3 - GTC1	CREW: CHIẾN - MTHAO - QTrưởng	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
2	DO LÊNH ĐẠO	P10	79	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	P10	66-67	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG ĐẠO	P10	77-78	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	76	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	75	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NAM	P10	68	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	P10	70	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	64	1	5	52	75	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P10	65	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	80	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN BẢO TOÀN	P10	72	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	69	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
15	HUỖNH CÔNG VÂN	P10	71	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN VIỆT ĐỒNG	P10	82	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG THANH	P10	83	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN QUANG PHU	P10	73-74	2	12		60	DK9	Vietnamese
19	THAI HAI HÀ	BK3	400	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CÔNG VINH	BK3	18	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI TRẦN VIỆT	BK3	20	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÀ	BK3	19	1	9		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	18	20	115	1.334	52	17		CHUYEN 1 PAX BK3-GTC1
2	BK3	4	4	21	276	40	5+1		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	136	1.610	92	22		
WEIGHT KG				136	1.610	92			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

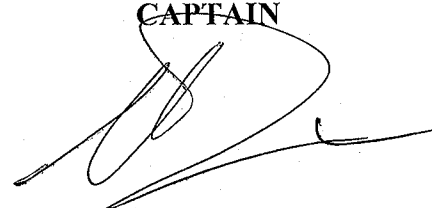
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	TO: P2 - TD5 - BK15	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Dương - XTrường - Toan	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN ĐO CHÂU TUÂN	P2	70	1	15		100	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRI NANG	P2	76	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HỒNG	P2	65	1	12		70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	SHEREMETIEV A.V.	P2	71	1	8		78	D-HANH	Russian
5	MISHIN A.V.	P2	78	1	8		107	D-HANH	Russian
6	PHẠM THAI SƠN	P2	67-69	3	19		57	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU VIỆT	P2	72	1	8		68	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG THANH	P2	75	1	8		70	ANTOAN	Vietnamese
9	BUI QUANG CÔNG	P2	77	1	18		79	XAYLAP	Vietnamese
10	NGÔ MINH TUÂN	P2	64	1	5		64	T-TIN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TOÀN	P2	63	1	8		80	T-TIN	Vietnamese
12	PHAN THANH SƠN	P2	73-74	2	18		74	T-TIN	Vietnamese
13	PHAM THIEN NAM	P2	66	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN MINH TIẾN	TD5	06	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
15	NIKITIN NIKOLAI	TD5	05	1	9		90	ANTOAN	Russian
16	VÔ HỮU TÂN	TD5	07-08	2	15		83	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN THIEN TAN	BK15	45	1	6		64	PSV	Vietnamese
18	LUƠNG XUÂN THAI	BK15	47	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN QUANG HOANG	BK15	44	1	9	15	67	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU TIẾN THANH	BK15	42-43	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI TIẾN THANH	BK15	46	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	BK15	41	1	4		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	16	142	989	0	9		
2	TD5	3	4	34	251	0	2		
3	BK15	6	7	43	426	15	11		
TOTAL		22	27	219	1.666	15	22		
WEIGHT KG				219	1.666	15			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

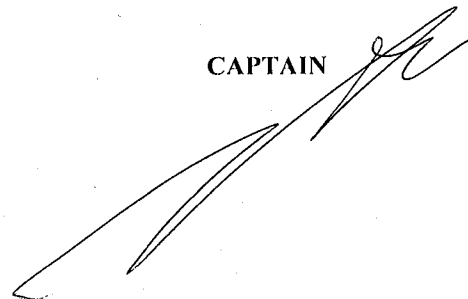
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:30
FLIGHT: 11	TO: P6 - P9	CREW: CHIẾN - MTHAO - QTrưởng	ETA: 16:20
NAU-4			

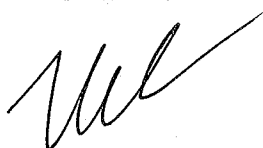
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẠ QUANG CUÔNG	P6	37-38	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
2	TÔ QUỐC TUÂN	P6	39	1	15	20	59	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐOÀN HOANG SƠN	P6	42	1	17		90	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIỂU	P6	32-33	2	11	12	72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRUYỀN	P6	35-36	2	14		67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN QUY	P6	40-41	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
7	HA VAN CANH	P6	43	1	12	15	57	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM HUU PHUOC	P6	46-47	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	95	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HUY	P9	04	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HIEN	P9	94	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOAI THANH	P9	02	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH THỂ NHAN	P9	03	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGỌC ANH	P9	96	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH HUY KHIÊM	P9	97	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	P9	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VÕ TUẤN MẠNH	P9	24	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ CHI KIẾN	P9	78	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ĐỨC HẬU	P9	500	1	10	22	64	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THƯ	P9	98-99	2	15		52	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

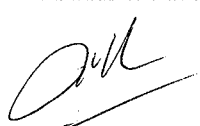
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	8	13	114	574	47	8		
2	P9	12	13	75	832	22	14		
TOTAL		20	26	189	1.406	69	22		
WEIGHT KG				189	1.406	69			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

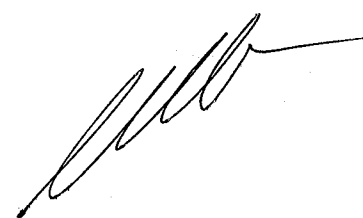
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2023	TO: PPD - P11	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:35
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Dương - XTrưởng - Toan	ETA: 16:25
VANG-4			

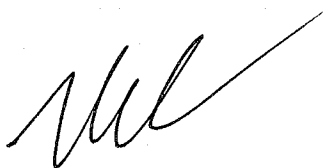
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TIẾN TRINH	PPD	47	1	12	40	55	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THẮNG	PPD	50-51	2	18		70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	ĐẶNG QUỐC PHONG	PPD	64	1	9		65	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	PPD	65-66	2	17		50	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	NGUYỄN CẢNH TOÀN	PPD	62	1	12		69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	TÔNG NGUYỄN CƯỜNG	PPD	48-49	2	11		80	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	TRỊNH VI QUÂN	PPD	53-54	2	14		58	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC TIẾP	PPD	52	1	16		70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐẶNG	PPD	58-59	2	10		62	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN XIN	PPD	56-57	2	12		80	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	TRẦN TUẤN VŨ	PPD	55	1	8		60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
12	VÔ VĂN HUY	PPD	63	1	12		56	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	DANG QUANG TIEN	PPD	67	1	10		70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P11	54	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN CÔNG HUY	P11	16-17	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN HÌNH	P11	13-14	2	7		82	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI SỸ CÔNG	P11	11-12	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN KIỀU CẢNH	P11	55-56	2	10		70	PSV	Vietnamese
19	PHẠM ANH TUÂN	P11	15	1	7		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	19	161	845	40	13		
2	P11	6	10	43	430	0	9		
TOTAL		19	29	204	1.275	40	22		
WEIGHT KG				204	1.275	40			

GRAND TOAL: 1.519 KGS

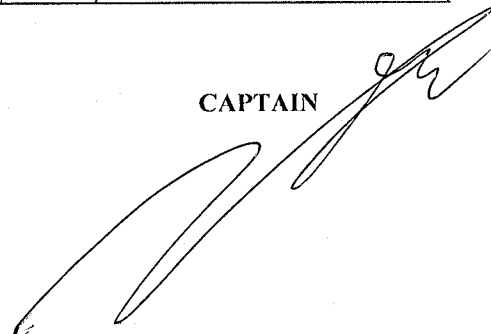
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P2	9:25	15+2	0+0		16+6	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 08:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - P2	CREW: VThắng - N.Cường - THỤ	ETA: 10:10
XANH-1			

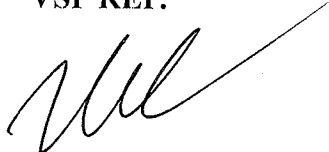
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	99	1	5	90	78	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG XUÂN KIẾN	TD2	599	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	45-46	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	DUƠNG HAI BĂNG	TD2	98	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ TRỌNG HAI	TD2	47	1	10		80	YTE	Vietnamese
6	DOROSHENKO MAXIM	TD2	599	1	10		98	KHOAN	Russian
7	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	800	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM LÊ NAM	TD2	596	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ HAI SƠN	TD2	95	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	93	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	MAI ĐỨC THÂN	TD2	94	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ THANH QUANG	TD2	53	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
13	BUI SY TRƯỜNG	TD2	96-97	2	18		60	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM SY NGỌC MINH	TD2	597-598	2	7		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN DUÂN	P2	97-99	3	20		68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	17	99	1.069	90	15		
2	P2	1	3	20	68	0	7		
TOTAL		15	20	119	1.137	90	22		
WEIGHT KG				119	1.137	90			

GRAND TOAL: 1.346 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

